



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

**Cho năm Tài chính kết thúc
Ngày 31 Tháng 12 Năm 2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017**

Tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 29

AN GIANG
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

AN GIANG
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Thanh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên
Ông Trần Văn Thái	Thành viên
Ông Lê Thanh Văn	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Chí Thành	Giám đốc
Ông Trần Văn Thái	Phó giám đốc
Ông Lê Thanh Văn	Phó giám đốc
Ông Đoàn Trung Tinh	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01/02/2017)
Bà Phan Thị Tuyết Vân	Quyền Trưởng phòng Tài chính - Kế toán (bổ nhiệm ngày 01/03/2017)

Ban Kiểm soát

Ông Quách Kim Long	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thanh Vi	Thành viên
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các Công ty con trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các kết đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

CÔNG TY
CƠ KHÍ
AN GIANG
PA

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1
P. Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 20 tháng 03 năm 2018

Số: 17.021.242/SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang và các Công ty con (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20/03/2018, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang và các Công ty con tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như trên, mà chúng tôi xin lưu ý người sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất các vấn đề sau:

- Như đã trình bày tại thuyết minh của khoản mục Vay, khoản vay Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – Công ty TNHH bao gồm các khoản vay từ năm 2009 đến năm 2012 theo các Hợp đồng hỗ trợ vốn và Giấy nhận nợ. Theo các Hợp đồng này, khoản vay đã đến hạn thanh toán trước và trong năm 2012. Tuy nhiên, Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp chưa yêu cầu hoàn trả và Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đang thực hiện thủ tục để chuyển thành khoản vay dài hạn.
- Như đã trình bày tại thuyết minh của khoản mục Doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động tài chính năm 2017 của Công ty bao gồm số lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Liên doanh Antraco, trong đó 9.500.000.000 đồng, là lợi nhuận dự tính được chia từ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty TNHH Liên doanh Antraco. Chênh lệch giữa số liệu dự tính và lợi nhuận được chia chính thức sẽ được điều chỉnh trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm tiếp theo.



Nguyễn Tuấn Anh
Phó Giám đốc

Giấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0742-2018-091-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ TƯ VẤN DCPA**

TP Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Trang
Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 4194-2017-091-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÉ AN GIANGSố 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1
P. Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.325.094.872	85.672.199.537
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.147.847.042	6.544.839.512
1. Tiền	111		4.147.847.042	6.544.839.512
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.240.025.800	53.115.716.550
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	35.471.525.758	46.670.620.500
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.272.624.899	1.686.967.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	24.662.855.979	5.925.109.886
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5	(1.166.980.836)	(1.166.980.836)
III. Hàng tồn kho	140	7	23.641.258.531	25.901.154.780
1. Hàng tồn kho	141		24.124.973.708	26.384.869.957
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(483.715.177)	(483.715.177)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		295.963.499	110.488.695
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	185.557.615	110.488.695
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	110.405.884	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.003.381.461	33.792.306.497
I. Tài sản cố định	220		23.458.628.195	23.023.783.366
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	23.458.628.195	23.014.700.033
- Nguyên giá	222		46.862.085.281	43.769.019.149
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.403.457.086)	(20.754.319.116)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	9.083.333
- Nguyên giá	228		66.333.790	66.333.790
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(66.333.790)	(57.250.457)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		817.313.850	1.967.310.681
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	817.313.850	1.967.310.681
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.956.213.357	7.956.213.357
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	7.956.213.357	7.956.213.357
IV. Tài sản dài hạn khác	260		771.226.059	844.999.093
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	747.836.262	784.631.494
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	23.389.797	60.367.599
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		122.328.476.333	119.464.506.034

Các Thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính Hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Mẫu B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	130.076.805.711	179.323.939.879
2. Các khoản giảm trừ	02		21.600.000	14.153.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		130.055.205.711	179.309.786.879
4. Giá vốn hàng bán	11	20	107.477.781.270	148.400.444.256
5. Lợi nhuận/(Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.577.424.441	30.909.342.623
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	21.232.615.882	14.443.317.992
7. Chi phí tài chính	22	22	1.363.999.802	1.286.192.428
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.352.231.718	1.286.192.428
8. Chi phí bán hàng	25	23	3.984.773.068	5.375.315.783
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	19.023.711.288	21.932.872.774
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.437.556.165	16.758.279.630
11. Thu nhập khác	31	25	2.915.941.586	513.315.144
12. Chi phí khác	32	26	1.033.570.613	122.084.667
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác	40		1.882.370.973	391.230.477
14. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế	50		21.319.927.138	17.149.510.107
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	195.476.211	690.372.274
16. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	36.977.802	(60.367.599)
17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế TNDN	60		21.087.473.125	16.519.505.432
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	6.417	5.027



Nguyễn Chí Thành
Giám đốc
Ngày 20 tháng 03 năm 2018


Phan Thị Tuyết Vân
Quyền Trưởng phòng
Tài chính - Kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01		21.319.927.138	17.149.510.107
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		2.658.221.303	2.548.024.291
- Các khoản dự phòng	03		-	58.136.966
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(1.076.127)	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22.013.683.467)	(14.441.719.084)
- Chi phí lãi vay	06		1.352.231.718	1.286.192.428
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.315.620.565	6.600.144.708
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		20.892.245.406	27.938.710.262
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		2.259.896.249	2.966.277.467
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(22.347.498.166)	(23.544.809.941)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(38.273.688)	400.288.033
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.347.655.612)	(1.456.114.452)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(912.213.628)	(548.702.157)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		398.000.000	2.067.946.059
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.014.563.391)	(3.976.729.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(794.442.265)	10.447.010.844
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.102.016.846)	(1.112.224.931)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.805.295.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.098.438.789	11.721.687.409
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(198.283.057)	10.609.462.478

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm 2017	Năm 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		68.525.984.406	58.532.998.138
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(63.443.649.681)	(73.931.749.652)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.487.678.000)	(5.014.736.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>(1.405.343.275)</u>	<u>(20.413.487.514)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		<u>(2.398.068.597)</u>	<u>642.985.808</u>
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60		6.544.839.512	5.901.853.704
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		1.076.127	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm	70		<u>4.147.847.042</u>	<u>6.544.839.512</u>



Nguyễn Chí Thành
Giám đốc
Ngày 20 tháng 03 năm 2018

Phan Thị Tuyết Vân
Quyền Trưởng phòng
Tài chính - Kế toán



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1600111049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 06 năm 2017.

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Cơ khí An Giang theo nghị định 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004.

Trụ sở của Công ty được đặt tại Số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

1. Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Sản xuất các loại sản phẩm từ kim loại
2. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
Chi tiết: Khai thác đá và khai thác mỏ đá
3. Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
Chi tiết: Sản xuất tấm bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép
Chi tiết: Dầm cầu liên hợp bê tông cốt thép
4. Đúc sắt, thép
Chi tiết: Đúc kim loại, á kim
5. Sản xuất máy chuyên dụng khác
Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị
6. Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị điện
7. Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơmoóc
Chi tiết: Sản xuất phương tiện vận tải khác
Chi tiết: Thay đổi kết cấu máy và hệ thống truyền lực của xe có động cơ
8. Tái chế phế liệu
Chi tiết: Tái chế phế liệu, phế thải kim loại
9. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật
Chi tiết: Xây dựng kết cấu công trình
10. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
Chi tiết: Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng
11. Hoạt động thiết kế chuyên dụng
Chi tiết: Thiết kế công trình kết cấu thép
Chi tiết: Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan tới công trình
Chi tiết: Các dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ
Chi tiết: Dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải thủy
12. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết: Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
Chi tiết: Mua bán thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi như: máy in, photocopy, kết sắt, vật tư ngành in)
14. Bán buôn kim loại và quặng kim loại
Chi tiết: Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu (mua bán kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại, tôn và thép lá, dây kim loại, khung nhôm, khung đồng)
15. Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết: Mua bán xe ô tô các loại
16. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết: Mua bán phụ tùng các loại xe máy, mô tô và ô tô
17. Sản xuất mô tô, xe máy
Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe mô tô điện, xe đạp điện các loại
18. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
Chi tiết: Mua bán nhớt, mỡ bôi
19. Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Khai thác nước khoáng
20. Đóng tàu và cấu kiện nổi
Chi tiết: Đóng mới và sửa chữa sà lan
21. Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông: cầu, đường, cống.

Cấu trúc doanh nghiệp hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được lập trên cơ sở hợp nhất Công ty và các Công ty con được liệt kê dưới đây:

Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ kiểm soát
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang (*)	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên (**)	100%	100%

(*) Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602011221, ngày 30/05/2016.

(**) Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602014273, ngày 12/07/2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang được hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên được hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh đồng kiểm soát là Công ty mà các chủ sở hữu có tỷ lệ quyền kiểm soát ngang bằng nhau trong việc quyết định tài chính và chính sách hoạt động của Công ty. Công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc do đáp ứng điều kiện lựa chọn không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty là Công ty con của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – Công ty Cổ phần và các cổ đông khác đã được thông báo và không phản đối về việc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu đối với các khoản đầu tư liên doanh.

Ngoài ra Công ty không phải là đơn vị có lợi ích công chúng và công bố báo cáo tài chính hợp nhất trên thị trường chứng khoán.

Loại trừ giao dịch nội bộ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ giữa Công ty và các Công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Lước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU 8 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện chi phí mua các phần mềm máy tính, phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí xây dựng và máy móc đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt. Không tính khấu hao cho các công trình đang xây dựng và lắp đặt dở dang.

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo giá gốc như đã trình bày tại phần cơ sở hợp nhất.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí đem lại lợi ích kinh tế cho Công ty với thời hạn dưới một năm. Các khoản chi phí này được ghi nhận toàn bộ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính hiện tại hoặc được phân bổ tối đa là một năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác là giá trị hàng hóa và dịch vụ Công ty đã mua nhưng chưa thanh toán trước ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản công nợ phải trả này được phân loại là công nợ ngắn hạn nếu thời hạn thanh toán ngắn hơn hoặc bằng 1 năm; và được phân loại là dài hạn nếu thời hạn thanh toán trên một năm.

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty mẹ và các Công ty con và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Chênh lệch tạm thời được khấu trừ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Chênh lệch tạm thời chịu thuế làm phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp, hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	571.848.865	1.300.814.319
Tiền gửi ngân hàng	3.575.998.177	5.244.025.193
Tổng cộng	<u>4.147.847.042</u>	<u>6.544.839.512</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VNĐ	VNĐ
Phải thu ngắn hạn khách hàng	35.471.525.758	46.670.620.500
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.166.980.836)	(1.166.980.836)
Tổng cộng	<u>34.304.544.922</u>	<u>45.503.639.664</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VNĐ	VNĐ
Phải thu người lao động (tạm ứng)	1.182.983.310	2.499.802.581
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	103.742.057	96.250.000
Phải thu khác		
- Phải thu lãi liên doanh từ Công ty TNHH Liên doanh Antraco	23.068.897.223	3.000.000.000
- Phải thu về cổ phần hóa	298.339.936	298.339.936
- Phải thu khác	8.893.453	30.717.369
Tổng cộng	<u>24.662.855.979</u>	<u>5.925.109.886</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VNĐ	VNĐ
Giá gốc		
Hàng mua đang đi trên đường	89.654.533	74.057.273
Nguyên liệu, vật liệu	9.393.870.564	8.481.460.759
Công cụ, dụng cụ	189.413.062	192.160.734
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.523.496.002	11.660.064.522
Thành phẩm	2.874.511.842	3.557.877.192
Hàng hoá	3.054.027.705	2.419.249.477
Cộng	<u>24.124.973.708</u>	<u>26.384.869.957</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(483.715.177)	(483.715.177)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	<u>23.641.258.531</u>	<u>25.901.154.780</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	185.557.615	110.488.695
Cộng	185.557.615	110.488.695
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	747.836.262	746.889.171
Chi phí khác	-	37.742.323
Cộng	747.836.262	784.631.494
Tổng cộng	933.393.877	895.120.189

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THANH TOÁN VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31/12/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	2.765.200.332	2.334.327.076	3.365.839.581	1.733.687.827
Thuế xuất nhập khẩu				-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	890.960.744	195.476.211	912.233.628	174.223.327
Thuế thu nhập cá nhân	126.748.186	598.622.292	835.776.364	(110.405.884)
Thuế nhà đất		2.038.195.833	2.038.195.833	-
	3.782.909.264	5.166.621.412	7.152.025.406	1.797.505.270
Trong đó:				
- Thuế phải thu		-		110.405.884
- Thuế phải nộp	3.782.909.264			1.907.911.154

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Machinery, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 31/12/2016	18.942.886.523	17.463.046.906	7.017.373.020	345.710.700	43.769.019.149
Tăng trong năm	451.630.409	2.574.962.086	-	66.473.637	3.093.066.132
Giảm năm mới	-	2.574.962.086	-	66.473.637	2.641.435.723
Chuyển từ xây dựng cơ bản	451.630.409	-	-	-	451.630.409
Tại ngày 31/12/2017	19.394.516.932	20.038.010.992	7.017.373.020	412.184.337	46.862.085.281
KHẤU HAO LỖY KẾ					
Tại ngày 31/12/2016	8.483.641.747	7.978.366.322	3.997.969.315	294.341.732	20.754.319.116
Tăng trong năm	725.434.367	1.388.942.443	517.516.936	17.244.224	2.649.137.970
Trích khấu hao trong năm	725.434.367	1.388.942.443	517.516.936	17.244.224	2.649.137.970
Tại ngày 31/12/2017	9.209.076.114	9.367.308.765	4.515.486.251	311.585.956	23.403.457.086
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2016	10.459.244.776	9.484.682.584	3.019.403.705	31.368.968	23.014.700.033
Tại ngày 31/12/2017	10.185.440.818	10.670.702.227	2.501.886.769	100.598.381	23.458.628.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2017, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.212.720.433 VNĐ (tại ngày 31/12/2016: 4.719.307.529 VNĐ).

Tại ngày 31/12/2017, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem đi thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng như sau:

- Thế chấp theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 36/2016/HĐTDHM/NHCT740-CƠ KHÍ ngày 25/05/2016 và số 41/2017-HĐCVHM/NHCT740-CO KHÍ ngày 14/06/2017: 3.685.376.225 VNĐ (tại ngày 31/12/2016: 4.023.603.143 VNĐ)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u> VNĐ	<u>Lợi thế thương mại</u> VNĐ	<u>Cộng</u> VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2016	65.000.000	1.333.790	66.333.790
Tại ngày 31/12/2017	65.000.000	1.333.790	66.333.790
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 31/12/2016	55.916.667	1.333.790	57.250.457
Tăng trong năm	9.083.333	-	9.083.333
Trích khấu hao trong năm	9.083.333	-	9.083.333
Tại ngày 31/12/2017	65.000.000	1.333.790	66.333.790
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2016	9.083.333	-	9.083.333
Tại ngày 31/12/2017	-	-	-

Tại ngày 31/12/2017, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 66.333.790 VNĐ (tại ngày 31/12/2016: 41.333.790 VNĐ)

12. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Năm 2017</u> VNĐ	<u>Năm 2016</u> VNĐ
Tại ngày 01/01	1.967.310.681	1.920.752.811
Tăng trong năm	263.206.125	429.210.746
Kết chuyển tăng TSCĐ	(451.630.409)	(356.894.517)
Thanh lý	(958.947.545)	-
Kết chuyển vào chi phí	(2.625.000)	(25.758.364)
Tại ngày 31/12	817.313.850	1.967.310.681

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (Tiếp theo)

Chi tiết số dư công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày báo cáo như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VND	VND
Khu dân cư Cơ khí An Giang	520.600.000	1.479.547.545
Công trình khác	296.713.850	487.763.136
	<u>817.313.850</u>	<u>1.967.310.681</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	7.956.213.357	7.956.213.357
Tổng cộng	<u>7.956.213.357</u>	<u>7.956.213.357</u>

Công ty nắm giữ 49% vốn điều lệ của Công ty TNHH Liên doanh Antraco. Tỷ lệ quyền đồng kiểm soát: 50%.

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

<u>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	23.389.797	60.367.599
Tổng cộng	<u>23.389.797</u>	<u>60.367.599</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.107.154.082	1.102.577.976
Chi phí sản xuất, thi công công trình	5.690.844.923	15.491.920.157
Các khoản chi phí phải trả khác	264.764.444	198.178.434
Cộng	<u>7.062.763.449</u>	<u>16.792.676.567</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Phải trả về cổ phần hóa	7.634.811.183	7.634.811.183
Phải trả khác	-	-
- <i>Lãi liên doanh trước cổ phần hóa phải trả về</i>	513.830.425	513.830.425
Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp VN		
- <i>Phải trả về cổ tức</i>	-	1.558.072.000
- <i>Phải trả khác</i>	48.493.545	177.209.850
Tổng cộng	8.197.135.153	9.883.923.458

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN An Giang (*)	1.498.197.481	57.183.853.444	55.028.092.883	3.653.958.042
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Long Xuyên (**)	2.619.165.536	11.342.130.962	8.415.556.798	5.545.739.700
Cộng	4.117.363.017	68.525.984.406	63.443.649.681	9.199.697.742
b. Vay dài hạn				
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Cộng	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000

Vay ngắn hạn

(*) Bao gồm:

Công ty cổ phần Cơ khí An Giang vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 36/2016/HĐTDHM/NHCT740-CO KHÍ ngày 25/05/2016 và số 41/2017-HĐCVHM/NHCT740-CO KHÍ ngày 14/06/2017 với hạn mức tín dụng 35.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất được áp dụng theo lãi suất công bố từng lần nhận nợ. Lãi suất hiện hành vào thời điểm cuối năm là 6%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình.

Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng tín dụng số 86/2017-HĐCVHM/NHCT740-CO KHÍ LX ngày 20/10/2017 hạn mức vay không vượt quá 4.500.000.000 VND, thời hạn đến 06/10/2018. Mỗi giấy nhận nợ tối đa không quá 04 tháng/ Giấy Nhận Nợ, lãi suất 6,5%/năm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp hàng hoá số 71/2017/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 20/10/2017 và Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 72/2017/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 20/10/2017. Giá trị hàng hóa thế chấp tại thời điểm 31/12/2017: 4.769.988.224 VND.

(**) Công ty TNHH MTV Cầu Đường Cơ khí An Giang vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam bao gồm các hợp đồng tín dụng ngắn hạn có thời hạn vay 6 tháng bao gồm:
+ Hợp đồng hạn mức số số 02/2017/8620905 ngày 13/09/2017 có hạn mức cấp tín dụng là 3.000.000.000 đồng.
+ Hợp đồng hạn mức số số 03/2017/8620905 ngày 24/11/2017 có hạn mức cấp tín dụng là 4.500.000.000 đồng.
Mỗi giấy nhận nợ tối đa không quá 06 tháng/Giấy Nhận Nợ, lãi suất 6.5%/năm; khoản vay được bảo đảm bằng quyền đòi nợ từ các hợp đồng thi công xây dựng công trình đã ký kết có giá trị thế chấp là: 14.709.891.499 đồng.

Vay dài hạn

Khoản vay Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam theo Giấy nhận nợ Số 01 ngày 11/06/2009, Giấy nhận nợ Số 01 ngày 14/12/2010 và Hợp đồng hỗ trợ vốn Số 02/2012/VEAM-CKAG ngày 17/08/2012 để bổ sung vốn lưu động, với lãi suất theo lãi suất tiền gửi ngắn hạn của Tổng Công ty.

Theo Hợp đồng hỗ trợ vốn này, khoản vay đã đến hạn ngày 16/11/2012. Tuy nhiên, Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp chưa yêu cầu hoàn trả và Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đang thực hiện thủ tục để chuyển thành khoản vay dài hạn. Thời hạn thanh toán của khoản vay dài hạn chưa được xác định.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2016	32.864.040.000	5.267.791.708	623.088.186	9.292.379.619	48.047.299.493
Lãi năm trước	-	-	-	16.519.505.432	16.519.505.432
Phân phối các quỹ	-	2.463.920.917	838.458.951	(6.117.756.721)	(2.815.376.853)
Chia lợi nhuận	-	-	-	(6.572.808.000)	(6.572.808.000)
Số dư tại 31/12/2016	32.864.040.000	7.731.712.625	1.461.547.117	13.121.320.330	55.178.620.072
Lãi năm nay	-	-	-	21.087.473.125	21.087.473.125
Phân phối các quỹ	-	3.335.726.977	1.094.757.013	(8.034.755.030)	(3.584.271.040)
Chia lợi nhuận	-	-	-	(4.929.606.000)	(4.929.606.000)
Số dư tại 31/12/2017	32.864.040.000	11.067.439.602	2.556.304.130	21.264.432.425	67.752.216.157

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là:

	31/12/2017			31/12/2016		
	VND	Số cổ phần	Tỷ lệ	VND	Số cổ phần	Tỷ lệ
Vốn góp nhà nước (Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam)	15.580.720.000	1.558.072	47,41%	15.580.720.000	1.558.072	47,41%
Cổ đông khác	17.283.320.000	1.728.332	52,59%	17.283.320.000	1.728.332	52,59%
	32.864.040.000	3.286.404	100,00%	32.864.040.000	3.286.404	100,00%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, phân chia lợi nhuận

Cổ tức

	Năm 2017	Năm 2016
Cổ tức năm trước	4.929.606.000	3.286.404.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	1.728.332.000
Tạm chia cổ tức năm nay	-	1.558.072.000
Tổng cộng	4.929.606.000	6.572.808.000

Cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.286.404	3.286.404
Số cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu gộp		
Doanh thu bán hàng hóa	27.741.153.877	58.401.229.253
Doanh thu bán thành phẩm	101.814.939.834	119.488.549.899
Doanh thu cung cấp dịch vụ	520.712.000	1.434.160.727
	<u>130.076.805.711</u>	<u>179.323.939.879</u>
Các khoản giảm trừ		
Giảm giá hàng bán	21.600.000	14.153.000
Doanh thu thuần	<u>130.055.205.711</u>	<u>179.309.786.879</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	25.310.146.469	56.362.398.680
Giá vốn của thành phẩm tiêu thụ	82.167.634.801	92.038.045.576
Tổng cộng	<u>107.477.781.270</u>	<u>148.400.444.256</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	98.438.789	30.644.013
Lãi từ Liên doanh Antraco	21.068.897.223	14.411.075.071
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.678.077	1.598.908
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.076.127	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	41.525.866	-
Tổng cộng	<u>21.232.615.882</u>	<u>14.443.317.992</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi tiền vay	1.352.231.718	1.286.192.428
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.768.084	-
Tổng cộng	<u>1.363.999.802</u>	<u>1.286.192.428</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	497.736.052	488.403.188
Chi phí vật liệu bao bì đóng gói, vận chuyển	18.898.572	45.253.786
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	57.026.119	57.026.119
Chi phí bảo hành	328.917.155	629.499.829
Chi phí khuyến mại, hoa hồng, marketing	2.139.390.632	2.953.291.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	716.044.196	1.122.500.879
Chi phí khác	226.760.342	79.340.810
Tổng cộng	<u>3.984.773.068</u>	<u>5.375.315.783</u>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.073.150.009	14.275.676.001
Chi phí vật liệu quản lý	-	342.677
Chi phí dụng cụ, thiết bị văn phòng	249.661.060	252.553.807
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	849.361.194	1.019.658.737
Thuế và lệ phí	2.171.356.485	2.245.381.248
Chi phí dự phòng	222.636.714	58.136.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.051.197.988	1.079.743.457
Chi phí khác	3.406.347.838	3.001.379.881
Tổng cộng	<u>19.023.711.288</u>	<u>21.932.872.774</u>

25. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Thu từ bồi thường đất	1.805.295.000	-
Hoa hồng, chiết khấu bán hàng được hưởng	-	257.005.643
Khoản nhận bồi thường hợp đồng	87.475.081	-
Thu nhập khác	1.023.171.505	256.309.501
Tổng cộng	<u>2.915.941.586</u>	<u>513.315.144</u>

26. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Giá trị còn lại của đất bị thu hồi	958.947.545	-
Chi phí khác	74.623.068	122.084.667
Tổng cộng	<u>1.033.570.613</u>	<u>122.084.667</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	21.319.927.138	17.149.510.107
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Các khoản làm giảm thu nhập chịu thuế	21.370.735.224	14.411.075.071
Thu nhập không chịu thuế	21.068.897.223	14.411.075.071
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ đều kỳ	301.838.001	-
Cộng: Các khoản làm tăng thu nhập chịu thuế	1.028.189.139	713.426.338
Chi phí không được trừ	309.775.051	411.588.337
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	116.948.985	301.838.001
Lỗ tính thuế chưa sử dụng	601.465.103	-
Thu nhập chịu thuế	977.381.053	3.451.861.374
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	195.476.211	690.372.274

28. (THU NHẬP)/ CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại.	60.367.599	-
Cộng	60.367.599	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.	(23.389.797)	(60.367.599)
Cộng	(23.389.797)	(60.367.599)
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	36.977.802	(60.367.599)

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	21.087.473.125	16.519.505.432
LN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.087.473.125	16.519.505.432
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.286.404	3.286.404
Tổng Cộng	6.417	5.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.286.404	3.286.404
Số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.286.404	3.286.404

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 3.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.147.847.042	6.544.839.512
Phải thu khách hàng	34.304.544.922	45.503.639.664
Phải thu khác	23.172.639.280	3.096.250.000
Cộng	61.625.031.244	55.144.729.176
	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	7.172.822.913	6.028.039.294
Chi phí phải trả	7.062.763.449	16.792.676.567
Phải trả khác	513.830.425	2.071.902.425
Vay và nợ thuê tài chính	24.199.697.742	19.117.363.017
Cộng	38.949.114.529	44.009.981.303

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

31. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch và số dư với các bên liên quan cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

<u>Nhiệp vụ với các bên liên quan</u>	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam		
Chia cổ tức	-	3.116.144.000
Cổ tức đã trả	3.895.180.000	1.558.072.000
Chi phí lãi vay	760.416.667	724.583.334
Công ty TNHH Liên doanh Antraco		
Lãi liên doanh được chia	21.068.897.223	14.411.075.071
Lãi liên doanh đã nhận	1.000.000.000	11.611.075.071
Số dư với các bên liên quan		
	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VND	VND
Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam		
Cổ tức phải trả	-	1.558.072.000
Lãi liên doanh trước cổ phần hóa phải trả	406.081.488	406.081.488
Lãi vay phải trả	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay dài hạn	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Liên doanh Antraco		
Phải thu lãi liên doanh	23.068.897.223	3.000.000.000

32. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày báo cáo, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang theo Hợp đồng thuê địa điểm với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VND	VND
Dưới 01 năm	1.990.789.752	1.990.789.752
Trên 01 năm đến dưới 05 năm	7.963.159.008	7.963.159.008
Trên 05 năm	18.662.258.608	20.653.048.360
Tổng Cộng	28.616.207.368	30.606.997.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Nguyễn Chí Thành
Giám đốc
Ngày 20 tháng 03 năm 2018

Phan Thị Tuyết Vân
Quyền Trưởng phòng
Tài chính – Kế toán